

Số: 1066/KL - TC

Bình Phước, ngày 05 tháng 12 năm 2017

V/v thực hiện kê khai, minh bạch
tài sản, thu nhập năm 2017.

Kính gửi: Các phòng, đơn vị trực thuộc Chi cục;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-SNN-TC ngày 28/11/2017 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc Phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2017;

Căn cứ Công văn số 1838/SNN-TCCB ngày 27/9/2017 về việc hướng dẫn, đôn đốc việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2017; Công văn số 2041/SNN-TCCB ngày 25/10/2017 về việc thực hiện đúng quy định về kê khai tài sản, thu nhập theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

Để đảm bảo công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập theo nghị định số 78/2013/NĐ-CP và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP được triển khai, thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy định, kịp thời. Chi cục Kiểm lâm đề nghị Thủ trưởng các phòng, đội, hạt kiểm lâm trực thuộc thực hiện công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2017 như sau:

1. Triển khai đến toàn thể công chức có tên trong Danh sách công chức thuộc diện kê khai tài sản kèm theo công văn này.

2. Một số lưu ý trong việc kê khai, minh bạch, tài sản.

a) Nguyên tắc và phạm vi tài sản, thu nhập phải kê khai.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn các thông tin về số lượng, giá trị tài sản, thu nhập và những biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai và tự chịu trách nhiệm về những thông tin đã kê khai.

- Tài sản, thu nhập phải kê khai gồm tài sản, thu nhập thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) tại thời điểm hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Giá trị tài sản, thu nhập kê khai được tính bằng tiền phải trả khi mua, khi nhận chuyển nhượng, xây dựng hoặc giá trị ước tính khi được cho, tặng, thừa kế.

b) Không xóa bớt hoặc sửa một số nội dung trong các mục của mẫu kê khai;
Theo quy định, Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập không được tự ý thay đổi các nội dung quy định trong mẫu, có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung.

c) Các đơn vị trực thuộc cù 01 công chức phụ trách công tác kê khai, tài sản tại đơn vị mình, tiến hành hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai, tài sản thực hiện theo Mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo phụ lục II ban hành kèm theo

Thông tư số 08/2013/TT-TTCP; Hướng dẫn mẫu kê khai được trình bày tại phụ lục III kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP. Có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận bản kê khai theo quy định tại điểm d bên dưới.

d) Trình tự, thủ tục kê khai, tiếp nhận Bản kê khai

Bước 1: Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, Thủ trưởng đơn vị hoặc người được giao phụ trách việc kê khai tài sản của đơn vị gửi mẫu Bản kê khai và hướng dẫn, yêu cầu Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập

Bước 2: Trong thời hạn **10 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được mẫu Bản kê khai, Người có nghĩa vụ kê khai phải hoàn thành và nộp về cho cơ quan, đơn vị của người kê khai. Bộ phận được giao phụ trách có trách nhiệm **lập sổ giao nhận**, và tiếp nhận Bản kê khai.

Lưu ý: Trường hợp tại thời điểm kê khai, Người có nghĩa vụ kê khai không thể tiến hành kê khai vì đi công tác xa cơ quan, ở nước ngoài hoặc vì lý do khách quan khác thì có thể kê khai trước thời điểm đi công tác hoặc kê khai và gửi Bản kê khai về Bộ phận được giao phụ trách; nếu dưới dạng file mềm thì Bộ phận phụ trách in, kiểm tra theo quy định, khi người có nghĩa vụ kê khai về cơ quan thì có trách nhiệm kiểm tra, ký Bản kê khai với thời gian gần nhất

Bước 3: Bộ phận phụ trách tiếp nhận, kiểm tra, lưu, quản lý Bản kê khai như sau:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được Bản kê khai) bộ phận phụ trách công tác kê khai tài sản, thu nhập kiểm tra tính đầy đủ các nội dung phải kê khai; trường hợp Bản kê khai chưa đúng quy định (theo mẫu) thì yêu cầu kê khai lại, thời hạn kê khai lại là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Bản kê khai tài sản, thu nhập phải được Người có nghĩa vụ kê khai và Người trực tiếp tiếp nhận bản kê khai ký và ghi rõ họ, tên tại từng trang (chữ ký bằng mực tươi); bản kê khai tài sản, thu nhập được lập thành 05 bản, trong đó:

+ Người có nghĩa vụ kê khai lưu một bản để đối chiếu khi cơ quan chức năng có yêu cầu;

+ Lưu 01 bản tại đơn vị để công khai, tra cứu khi cần thiết (đối với các đơn vị trực thuộc);

+ Gửi 03 bản chính về Chi cục Kiểm lâm để lưu một bản vào Hồ sơ công chức cá nhân và gửi 02 bản chính về Sở Nông nghiệp và PTNT để quản lý.

- Khi người có nghĩa vụ kê khai được điều động sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì Bản kê khai được chuyển cùng hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mới. Khi người có nghĩa vụ kê khai nghỉ hưu, thôi việc thi Bản kê khai được lưu giữ theo quy định về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày **31/12/2017**.

4. Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

Công khai Bản kê khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc theo Kế hoạch của Chi cục Kiểm lâm.

5. Việc thực hiện và báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập.

6. Hồ sơ và thời gian báo cáo:

a) Hồ sơ gửi về Chi cục bao gồm:

- Đối với các Phòng, Đội: Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 của công chức thuộc đơn vị. Số lượng: 04 bản/01 công chức. (*Sẽ trả lại công chức 01 bản sau khi kiểm tra tính đúng, đủ về nội dung theo mẫu và có chữ ký tiếp nhận*). Thời gian gửi về Chi cục Kiểm lâm (phòng Tổ chức, Tuyên truyền, Xây dựng lực lượng) trước ngày 15/12/2017.

- Đối với các Hạt Kiểm lâm gồm: Báo cáo (*theo mẫu đính kèm*), Danh sách nhận bản kê khai kèm theo Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 của công chức trong đơn vị. Số lượng 03 bản kê khai/01 công chức (Các bản kê khai đã được kiểm tra, có chữ ký đầy đủ của người kê khai và người nhận bản kê khai). Thời gian chậm nhất đến hết ngày 25/12/2017, các bản kê khai lại thời gian hoàn tất chậm nhất ngày 31/12/2017.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung cơ bản về kê khai tài sản, thu nhập năm 2017. Chi cục trưởng Kiểm lâm yêu cầu các đơn vị triển khai, nghiêm túc thực hiện. Mọi thắc mắc phản ánh về Chi cục Kiểm lâm. Số điện thoại: 0271.886.490 (Phòng Tổ chức TTXDLL) để được hướng dẫn, phối hợp thực hiện./.

(Quyết định số 330/QĐ-SNN-TC ngày 28/11/2017 của Sở Nông nghiệp & PTNT; Mẫu bản kê khai tài sản, Hướng dẫn mẫu kê khai theo Thông tư 08; được đăng tải trên website kiemlambinhphuoc.gov.vn mục Văn bản).

Nơi nhận: *Văn*

- Ban LĐCC;
- Như trên;
- Lưu: VT, TC.

CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Tánh

DANH SÁCH CÔNG CHỨC KIỂM LÂM BÌNH PHƯỚC
THUỘC ĐIỆN KÊ KHAI MINH BẠCH TÀI SẢN THU NHẬP
(Kèm theo Công văn số: 1066/KL - TC ngày 05 tháng 12 năm 2017)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chứ vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		
A	Công chức Lãnh đạo thuộc cấp trên quản lý				
1	Lê Văn Tánh	1960		Chi cục trưởng - Chi cục Kiểm lâm	
B	Công chức thuộc đơn vị quản lý				
2	Vũ Đình Trúc	1959		Phó Chi cục trưởng - Chi cục Kiểm lâm	
3	Trần Xuân Huệ	1969		Phó Chi cục trưởng - Chi cục Kiểm lâm	
4	Nguyễn Thành Thật	1959		Trưởng phòng Tổ chức, Tuyên truyền và Xây dựng lực lượng - Chi cục Kiểm lâm	
5	Hoàng Thị Phương Nhung		1983	KLV. Phòng Tổ chức, Tuyên truyền và Xây dựng lực lượng - Chi cục Kiểm lâm	
6	Vũ Công Tuân	1984		KLVTC. Phòng Tổ chức, Tuyên truyền và Xây dựng lực lượng - Chi cục Kiểm lâm	
7	Nguyễn Văn Hữu	1962		Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế - Chi cục Kiểm lâm	
8	Đoàn Thanh Lâm	1981		KLV. Phòng Thanh tra, Pháp chế - Chi cục Kiểm lâm	
9	Hồng Bá Khanh	1960		Trưởng phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và BTTN - Chi cục Kiểm lâm	
10	Hoàng Văn Tùng	1982		Phó trưởng phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và BTTN - Chi cục Kiểm lâm	
11	Trần Thị Liên		1982	KLV. Phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và BTTN - Chi cục Kiểm lâm	
12	Hoàng Hoan	1981		KLVTC. Phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và BTTN - Chi cục Kiểm lâm	
13	Nguyễn Hữu Vững	1963		TP. Hành chính, Tổng hợp - Chi cục Kiểm lâm	
14	Trần Thị Tuyết		1966	PTP. Hành chính, Tổng hợp - Kế toán trưởng, Chi cục Kiểm lâm	
15	Trần Trúc Trà Ni		1985	PTP. Hành chính, Tổng hợp - Chi cục Kiểm lâm	
16	Ngô Thị Hương		1981	Kế toán, Phòng Hành chính, Tổng hợp - Chi cục Kiểm lâm	
17	Nguyễn Đình Long	1980		Trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng - Chi cục Kiểm lâm	
18	Cao Xuân Hưng	1983		Phó trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng - Chi Cục Kiểm lâm	
19	Trần Thị Hằng		1985	KLV. Phòng Sử dụng và Phát triển rừng - Chi Cục Kiểm lâm	

JAKI
CHI
KIỂM
TÍ
INH P
HẾP VÀ

20	Lã Văn Khơi	1987		KLV. Phòng Sử dụng và Phát triển rừng – Chi Cục Kiểm lâm	
21	Nông Văn Cường	1987		KLV. Phòng Sử dụng và Phát triển rừng – Chi Cục Kiểm lâm	
22	Nguyễn Minh Hóa	1968		Đội trưởng . Đội KLCĐ & PCCCR số 1 - Chi cục Kiểm lâm	
23	Nguyễn Tử Hải	1965		Phó Đội trưởng - Đội KLCĐ & PCCCR số 1 - Chi cục Kiểm lâm	
24	Nguyễn Thế Hùng	1958		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 1- Chi cục Kiểm lâm	
25	Nguyễn Thành Tâm	1961		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 1 - Chi cục Kiểm lâm	
26	Phạm Quang Hiển	1964		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 1- Chi cục Kiểm lâm	
27	Trần Thị Chinh		1985	KLV. Đội KLCĐ & PCCCR số 1 - Chi cục Kiểm lâm	
28	Nguyễn Văn Dũng	1960		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 1 - Chi cục Kiểm lâm	
29	Lê Trung	1973		Đội trưởng. Đội KLCĐ & PCCCR số 2 - Chi cục Kiểm lâm	
30	Nguyễn Văn Trèo	1958		Phó Đội trưởng Đội KLCĐ & PCCCR số 2 - Chi cục Kiểm lâm	
31	Nguyễn Văn Sơn	1971		Phó Đội trưởng Đội KLCĐ & PCCCR số 2 - Chi cục Kiểm lâm	
32	Nguyễn Văn Phúc	1968		KLV. Đội KLCĐ & PCCCR số 2	
33	Trần Văn Chương	1969		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 2	
34	Nguyễn Phước Long	1962		KLVTC. Đội KLCĐ & PCCCR số 2	
35	Nguyễn Văn Cao	1957		Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
36	Bùi Xuân Ngọc	1964		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
37	Lý Văn Việt	1979		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
38	Nguyễn Thành Sơn	1980		KLV, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
39	Phạm Thanh Chính	1984		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
40	Lê Thị Thu Hồng		1978	Kế toán, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
41	Võ Công Thành	1967		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
42	Trần Minh Định	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
43	Lê Ngọc Ánh	1983		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
44	Nguyễn Tất Phượng	1987		KLV, Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	
45	Nguyễn Mạnh Hùng	1960		Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
46	Nguyễn Văn Hiệp	1964		Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
47	Cao Thanh Nhã	1977		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
48	Phạm Văn Sanh	1963		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
49	Trần Văn Trung	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
50	Hồ Thanh Lộc	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
51	Lê Văn Hiếu	1971		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	

52	Huỳnh Thanh Vân	1965		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
53	Đỗ Văn Trọng	1968		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
54	Nguyễn Thái Học	1959		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
55	Nguyễn Văn Thành	1968		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
56	Trương Hoàng Tiên	1973		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đăng	
57	Nguyễn Thế Hùng	1966		Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bình Long - Hớn Quản	
58	Nguyễn Văn Phúc	1962		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bình Long - Hớn Quản	
59	Trần Văn Tuấn	1960		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bình Long - Hớn Quản	
60	Lê Thái Bình	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bình Long - Hớn Quản	
61	Phạm Thanh Hải	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bình Long - Hớn Quản	
62	Nguyễn Văn Tuân	1960		Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
63	Tạ Hữu Dương	1960		Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
64	Thượng Thanh Lợi	1962		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
65	Châu Văn Bảy	1968		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
66	Trần Thanh Nghiêm	1966		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
67	Lâm Quốc Tuấn Anh	1979		KLV, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
68	Nguyễn Hữu Sử	1980		KLV, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
69	Điều Thị Tuyết Vân		1984	KLV, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
70	Phùng Tân Hưng	1960		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
71	Nguyễn Ngọc Phương	1974		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh	
72	Hoàng Ngọc Phong	1960		Quyền Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
73	Lương Văn Bảo	1984		Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
74	Lương Tuỳ Luỹ	1961		KLVSC, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
75	Trần Anh Hùng	1966		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
76	Đinh Thị Thuỷ Dương		1984	Kế toán, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
77	Phạm Văn Hạ	1982		KLV, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
78	Nguyễn Văn May	1985		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
79	Nguyễn Thu Lan	1985		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
80	Hà Văn Thoại	1978		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Đốp	
81	Bùi Thanh Kỷ	1959		Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	
82	Hồ Ngọc Đàn	1959		Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	
83	Nguyễn Đức Toản	1967		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	
84	Trần Xuân Cảnh	1961		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	
85	Tạ Đình Trung	1967		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	

86	Nguyễn Minh Trung	1970		KLVTC, Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Phước Long - Phú Riềng	
87	Trần Quốc Hùng	1976		Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
88	Đặng Dinh Lộc	1959		Phó Hạt trưởng, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
89	Trần Văn Đà	1979		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
90	Nguyễn Văn Bộ	1979		KLVTC. Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
91	Trịnh Quang Khánh	1964		KLV. Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
92	Vũ Đức Công	1960		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
93	Lê Nguyên Khoa	1964		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
94	Lê Công Hoan	1962		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
95	Lê Hoàng Đông	1959		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
96	Lê Văn Ty	1965		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
97	Hoàng Kim Việt	1976		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
98	Ngô Nguyễn Bá Phúc	1984		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	
99	Nguyễn Xuân Thanh	1962		KLVTC, Hạt Kiểm lâm Bù Gia Mập	

Số: /

....., ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO**Kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm**

Việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 00/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hướng dẫn số của (tên, cơ quan hướng dẫn) về minh bạch tài sản, thu nhập, (*tên cơ quan/tổ chức/dơn vị*), báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập của mình như sau:

1. Quá trình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Nội dung phần báo cáo này nhằm phản ánh những phạm vi, đặc điểm về tổ chức bộ máy, hoạt động và việc tổ chức thực hiện công tác minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong năm bao gồm:

- Phạm vi, đặc điểm tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Các văn bản pháp luật áp dụng;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc của cấp trên;
- Các văn bản cơ quan, đơn vị đã triển khai như: Kế hoạch, phương án, tổ chức tuyên truyền;
- Phân công thực hiện;
- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kê khai, công khai, quản lý hồ sơ, tiến hành xác minh, xem xét kỷ luật, tổng hợp báo cáo ...
- Những thuận lợi hay khó khăn, vướng mắc.

2. Kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

2.1 Kết quả kê khai

Tình hình chung triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm thời gian tiến hành, cách thức tổ chức, số đơn vị (trực thuộc) phải/đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (*có thể chia thành các nhóm theo đặc điểm hoạt động*); tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc thực hiện kê khai chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

Số liệu về số người kê khai gồm:

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm; trong đó số người phải kê khai tăng/giảm so với năm trước, lý do.

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm; tỷ lệ.... % số người kê khai;
- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý;
- Số lượng và danh sách bản kê khai do tổ chức cấp trên quản lý;

2.2 Kết quả công khai

Tình hình chung triển khai việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm thời gian tiến hành, cách thức tổ chức, số đơn vị (trực thuộc) phải/dã triển khai thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; tỷ lệ % cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện kê khai; số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết; số điểm niêm yết; số cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp; số cuộc họp; số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện công khai hoặc thực hiện chậm so với thời gian quy định (danh sách), lý do.

Tình hình thông tin phản ánh sau khi công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập trong năm.

Số liệu về số bản kê khai được công khai:

- Số bản kê khai đã công khai; tỷ lệ% so với số bản đã kê khai;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết; tỷ lệ% so với số bản đã công khai;
- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp; tỷ lệ% so với số bản đã công khai.

2.3 Kết quả thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

Tình hình thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập trong cơ quan, đơn vị bao gồm việc tự kiểm tra, yêu cầu của công tác quản lý cán bộ, yêu cầu xác minh của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền. Việc yêu cầu giải trình và xem xét giải trình trong minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, đơn vị. Việc xác minh, kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số liệu về giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

- Số người yêu cầu giải trình kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập;
- Số người được xác minh tài sản, thu nhập;
- Số người đã có kết luận về Minh bạch tài sản, thu nhập;
- Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập;

2.4 Kết quả xử lý kỷ luật trong xác minh tài sản, thu nhập

Tình hình vi phạm và xem xét xử lý các vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số liệu về xử lý vi phạm

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; chia theo hình thức kỷ luật (cảnh cáo; khiển trách; hình thức khác).
- Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm thời hạn trong minh bạch tài sản, thu nhập (chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản) và chia theo hình thức xử lý kỷ luật.
- Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập chia theo các lỗi vi phạm và hình thức xử lý.

3. Đánh giá chung.

- Các mặt thuận lợi, khó khăn khi triển khai công tác minh bạch, tài sản trong cơ quan, tổ chức, đơn vị minh.
- Các ý kiến góp ý, đề xuất khắc phục./.

Nơi nhận:

.....

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

